

# SỰ PHÂN CÔNG QUYỀN LỰC TƯ PHÁP TRONG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ

*Chu Thị Trang Vân \**

Áp dụng pháp luật (ADPL) là hoạt động chủ động của nhà nước, do vậy, về nguyên tắc nhà nước là chủ thể duy nhất của ADPL thông qua các cơ quan của nó. Đối với hoạt động áp dụng pháp luật hình sự (ADPLHS), chủ thể là các cơ quan tư pháp hình sự. Tùy thuộc vào những điều kiện lịch sử cụ thể và những khác biệt về văn hoá, các cơ quan tư pháp hình sự có thể được tổ chức khác nhau ở những giai đoạn khác nhau hoặc ở những nước khác nhau. Tuy nhiên, dù được tổ chức theo bất cứ hình thức nào, các cơ quan tư pháp hình sự cũng xoay quanh một trục chính được xác định bởi ba chức năng chủ yếu là điều tra, truy tố và xét xử. Trong đó, xét xử là chức năng được hình thành sớm nhất, có lịch sử lâu đời nhất và có tính phổ biến nhất. Các chức năng này đến lượt mình lại là nội dung của “*quyền lực tư pháp*” (QLTP), một trong ba nhánh chủ yếu của quyền lực Nhà nước.

Ở các hệ thống pháp luật trên thế giới, Tòa án nếu không phải là chủ thể duy nhất thì cũng là chủ thể trung tâm của hoạt động áp dụng pháp luật hình sự, đồng thời cũng là chủ thể trung tâm của QLTP. Vai trò đặc biệt của Tòa án bắt nguồn từ một quá trình phát triển lâu đời, gắn liền với sự hình thành QLTP trong lịch sử. Như vậy, về bản chất lịch sử, QLTP không có sự phân chia mà chỉ tập trung vào trong tay của Tòa án. Thế nhưng sau này, ngay chính trong sự tập trung ấy lại có sự phân công mà nguyên do là đòi hỏi từ chính bản chất của hoạt động ADPLHS. Bài viết này tìm hiểu cội nguồn lịch sử của sự phân công QLTP trong ADPLHS.

## 1. Sự phân công quyền lực tư pháp

Trong các lĩnh vực pháp luật về kinh tế, dân sự, hành chính hay lao động..., Tòa án là *cơ quan tư pháp duy nhất* có thẩm quyền ADPL để giải quyết các tranh chấp, vi phạm. Được dẫn dắt bởi nguyên tắc tôn trọng quyền tự định đoạt của các chủ thể, Tòa án chỉ giải quyết khi các chủ thể không thể tự mình giải quyết được những mâu thuẫn được phát sinh từ các tranh chấp hay vi phạm. Cũng chính vì vậy mà trong các lĩnh vực kể trên, việc đưa vụ việc ra giải quyết tại Tòa án, việc đưa ra các chứng cứ để bảo vệ cho những lợi ích của mình tại phiên tòa hoàn toàn do các đương sự tự quyết định và tự thực hiện. Trên phương diện ADPL, điều đó có nghĩa là Tòa án ADPL một cách tương đối thụ động, dựa trên cơ sở các chủ thể tự mình xác định và chứng minh cơ sở thực tế và cơ sở pháp lý. Phát sinh bởi yêu cầu của các chủ thể, hoạt động ADPL của Tòa án về nguyên tắc cũng chấm dứt theo yêu cầu của các chủ thể vào bất cứ thời điểm nào khi mà những lợi ích xung đột có thể hoà giải được với nhau. Như vậy, về mặt thể chế, việc ADPL của Tòa án không cần đến Cơ quan điều tra, cũng không cần đến Cơ quan công tố bởi cả hai chức năng này đều không thuộc về Nhà nước. Tòa án do đó là chủ thể duy nhất nắm QLTP trong các lĩnh vực phi hình sự.

Ra đời sớm nhất trong lịch sử có nhà nước và pháp luật, QLTP trong lĩnh vực hình sự chi phối toàn bộ tính chất của QLTP nói chung trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội mà thứ quyền lực này dần dần vươn tới. Trong phần lớn thời gian, QLTP trong lĩnh vực hình sự thuộc hoàn toàn về Tòa án và các thiết chế của nó. Ảnh hưởng sâu sắc của truyền thống này thậm chí còn tồn tại cho đến tận ngày nay. Vì vậy không phải vô cơ mà trong các lý thuyết đương đại khi đề cập đến thể chế tư pháp hay QLTP, phần lớn

\* Thạc sỹ Luật học, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

là sự phân chia của quyền lực nhà nước - điều mà đang trở thành xu hướng diễn ra trong những xã hội phát triển nhất lúc bấy giờ. Với những tư tưởng dẫn đường của thuyết tam quyền phân lập rất phù hợp với điều kiện đấu tranh của giai cấp tư sản lúc bấy giờ, việc đấu tranh để phân chia quyền lực nhà nước đã diễn ra rất gay gắt ngay trong bộ máy nhà nước. Trong khi quyền lực của các vị hoàng đế chưa hoàn toàn bị khuất phục do chính bản thân giai cấp tư sản cũng chưa đủ mạnh thì việc chia sẻ quyền lực trước hết đã được bắt đầu trong bộ máy lập pháp. Các nhà nước quân chủ đại nghị đầu tiên đã được hình thành luôn có một cấu trúc nghị viện thể hiện rất rõ sự chia sẻ quyền lực của hai thế lực này. Một phần của nghị viện được bầu ra từ nhân dân (Hạ viện) và phần còn lại được xem là đại diện cho các lực lượng phong kiến (Thượng viện). Nghị viện là thiết chế đầu tiên giành lấy từ các hoàng đế quyền lực lập pháp để giới hạn quyền lực hành pháp vẫn còn thuộc về các hoàng đế.

Dần dần, QLTP cũng bị cuốn vào dòng chảy đó bởi hấp lực phát sinh từ những xung đột không phải lúc nào cũng có thể giải quyết giữa lập pháp và hành pháp và đôi khi còn ngay cả trong nội bộ của lập pháp. Vốn quen với uy quyền tuyệt đối đã ngự trị hàng nghìn năm trong lịch sử, bộ máy hành pháp của các hoàng đế trung cổ không dễ dàng chấp nhận ngay được thực tế về một sự chia sẻ quyền lực. Hơn nữa còn phải rất lâu sau đó, bộ máy này mới học được cách nhìn nhận luật pháp và những người đã tạo ra nó với một thái độ tôn trọng phù hợp. Chính vì vậy, lập pháp lúc đầu thực sự còn rất yếu và rất dễ bị xâm phạm. Quyền lập pháp tuy mới được nhìn nhận như là một sự giới hạn của quyền lực, chia sẻ quyền lực nhưng chính điều đó đã tạo ra hấp lực để nó không dễ dàng chấp nhận việc bị xâm phạm mặc dù các hoàng đế vẫn được tôn trọng và chưa dễ dàng để vượt qua. Do vậy, vào bất cứ lúc nào bị xâm phạm, lập pháp ngay lập tức sẽ có phản kháng lại để buộc hành pháp phải tuân thủ đúng với pháp luật. Tình trạng này mặc nhiên sẽ dẫn đến những xung đột và mâu thuẫn. Đôi khi những

mâu thuẫn này đã thực sự trở thành những xung đột bạo lực, lật đổ mà không được điều chỉnh bởi bất cứ một thứ luật pháp nào cả. Điều đó cũng nằm ngoài cả khế ước xã hội của Rousseau. Thế nhưng, xung đột bạo lực không phải lúc nào cũng là phương cách để giải quyết mâu thuẫn. Khi các lực lượng tư sản ngày càng mạnh hơn thì các xung đột bạo lực sẽ ngày càng nguy hiểm hơn bởi nó có thể dẫn đến những tổn thất rất nặng nề cho cả hai bên. Khi đó người ta cho rằng việc hình thành một cơ chế giải quyết mâu thuẫn sẽ tốt hơn việc giải quyết bằng cách đẩy nó đến mức xung đột. Đó là lúc mà *QLTP chính thức bước vào quá trình phân chia quyền lực nhà nước*.

Vốn là bộ phận trung thành của các hoàng đế trung cổ, trong cuộc đấu tranh ngày càng trở nên gay gắt giữa lập pháp và hành pháp, QLTP dần dần được thoát ly khỏi hành pháp và trở thành một thiết chế quyền lực độc lập. Tất nhiên, tính độc lập không phải là tuyệt đối và còn rất nhiều khía cạnh phức tạp, nhưng QLTP đã được sử dụng như một công cụ để trung hoà những mâu thuẫn của hai thứ quyền lực kia. Việc sử dụng QLTP để hạn chế quyền lực của lập pháp và hành pháp trong cuộc cạnh tranh quyền lực lúc đầu hoàn toàn không có mục đích để xét xử các hoàng đế. Nó cũng chưa có quyền phán quyết một đạo luật hay cả một thể chế lập pháp là có phù hợp với Hiến pháp hay không. QLTP được đẩy dần ra khỏi hành pháp để có được tính độc lập. Mặc dù QLTP không nắm giữ các nguồn lực trong xã hội nhưng với chỗ dựa là luật pháp cũng như với tính độc lập của mình, QLTP lại có quyền tuyên bố tính vô hiệu của quyền lực hành pháp hay lập pháp trong những tình huống cụ thể khi có cáo tố hay truy tố.

Rõ ràng, sự phân công của QLTP trong lĩnh vực hình sự hoàn toàn không có nghĩa là sự chia sẻ quyền lực giống như những gì đã nêu ở trên. Thoạt đầu, việc xuất hiện quyền công tố chỉ giống như những giải băng được trang trí lên bức tượng của Thần Công lý vốn được xem là biểu tượng cho Tòa án trong hàng ngàn năm lịch sử. Nó chỉ làm cho hình

ảnh này trở nên hấp dẫn hơn chứ hoàn toàn không tác động đến tính thống nhất nội tại của QLTP. Tuy nhiên, sự xuất hiện của nguyên tắc “truy tố” không đơn giản chỉ là sự xuất hiện thêm một phương thức mới trong việc khởi động quá trình ADPLHS mà điều quan trọng hơn là nó đã làm thay đổi cái cách thức mà nhà nước vẫn nhìn nhận và áp dụng. Nếu như trước đây, việc xét xử hình sự dựa trên nguyên tắc “cáo tố” thì đương nhiên việc đưa ra các chứng cứ là thuộc về công việc của các cá nhân. QLTP không có trách nhiệm gì trong việc phải tìm ra các chứng cứ buộc tội hay gỡ tội mà đơn giản chỉ là việc xem xét những chứng cứ được đưa ra tại Toà án. Khi việc xét xử được dựa trên nguyên tắc “truy tố” thì rõ ràng việc đưa ra chứng cứ được chuyển từ trách nhiệm của xã hội sang lĩnh vực của Nhà nước. Việc Nhà nước “truy tố” cũng đồng nghĩa với việc Nhà nước đã tự nhận lấy trách nhiệm trong việc đưa ra các chứng cứ để buộc tội. Điều này đã làm cho trong lĩnh vực tư pháp hình sự, Nhà nước cần phải tự mình thu thập các chứng cứ cần thiết để thực hiện quyền công tố. Nó khác biệt hoàn toàn khi so sánh với QLTP trong các lĩnh vực phi hình sự. Chính quá trình tìm kiếm, thu thập chứng cứ... là cái mà sau này được gọi là điều tra. Tất nhiên, việc Nhà nước đứng ra thực hiện chức năng điều tra cũng đã được xuất hiện từ rất sớm trong lịch sử khi nó phải đứng ra để bảo vệ quyền lợi cho các vương triều phong kiến. Trong trạng thái chủ động được hình thành từ rất sớm này, việc điều tra được Nhà nước trực tiếp tiến hành bằng tất cả sức mạnh và bộ máy của nó mà không cần đến sự phân biệt là việc đó thuộc về hành pháp hay tư pháp. Bộ máy nhà nước sẽ ngay lập tức được khởi động nhanh chóng để làm rõ lợi ích của vương triều có bị xâm phạm hay không, ai xâm phạm và Toà án hoặc một thiết chế xét xử tương tự như vậy sẽ làm nốt nhiệm vụ cuối cùng.

Cho đến nay, về cơ bản QLTP trong lĩnh vực hình sự được phân công thành điều tra, truy tố và xét xử. Việc phân chia này chính là căn cứ vào bản chất của quá trình ADPLHS,

theo đó, QLTP được phân thành những hoạt động khác nhau có tính chất tiếp diễn về mặt thời gian. Về bản chất, mô hình này có thể được hình dung như sau: (1) Khi có dấu hiệu tội phạm, để thực hiện được quyền công tố, Nhà nước sẽ phải đứng ra trực tiếp điều tra để tìm kiếm, thu thập các chứng cứ; (2) Trên cơ sở kết quả điều tra này sẽ quyết định việc có truy tố hay không? và (3) Việc xét xử sẽ được tiến hành khi có truy tố.

Lúc đầu, sự phân biệt này rõ ràng chỉ có tính chất hoạt động hay nói cách khác là dựa vào quá trình ADPLHS mà không có tính chất chủ thể. Điều đó có nghĩa là việc phân công này lúc đầu không quan tâm lắm đến việc ai sẽ là người thực hiện các giai đoạn đó mà điều quan trọng chỉ là bên cạnh việc xét xử, các hoạt động khác như công tố và điều tra cũng được xem là thuộc về Nhà nước và thuộc về QLTP của Nhà nước. Là chủ thể trung tâm của QLTP, Toà án chi phối chủ yếu trong cả giai đoạn điều tra và truy tố, bất kể việc này do ai thực hiện. Trong nhiều trường hợp, quyền công tố vẫn thuộc về toà án. Toà án vừa thực hiện quyền công tố vừa thực hiện quyền xét xử. Trong các toà án ở châu Âu lục địa, từ thế kỷ 17, ngoài các thẩm phán và các quan toà, đã bắt đầu xuất hiện ngày càng nhiều hơn các quan Chương lý và Biện lý, cũng là một ngách của thẩm phán nhưng được khu biệt hoá để thực hiện quyền công tố<sup>4</sup>.

Như vậy, sự phân công của QLTP xuất phát từ bản thân các chức năng chủ yếu được hình thành do sự chuyên biệt hoá theo từng giai đoạn của ADPLHS. Quá trình chuyên biệt hoá này không phải diễn ra ngay từ đầu mà là kết quả của sự phát triển lịch sử, sự chuyển hoá, hoàn thiện dần dần mô hình ADPLHS. Về sự phân công của QLTP, có quan điểm cho rằng sự phân công của QLTP chính là sự phân quyền về mặt đối nội của QLTP. Bắt đầu từ sự phân công mang tính chức năng nhưng khi những chức năng này

<sup>4</sup> Đàm Trung Mộc (1965), *Hình luật giảng tập*. In lần thứ hai (có sửa chữa và cập nhật hoá), trang 214 và 270.

dân dân được chuyên biệt hoá thì chính nó đã làm nảy sinh sự phân công về mặt chủ thể. Mỗi chức năng khi được thiết kế ngày càng chuyên biệt bao nhiêu thì những chủ thể thực hiện nó cũng ngày càng độc lập với nhau hơn.

Sự phân công trong nội tại của QLTP là kết quả lâu dài của tiến trình phát triển gắn liền với quá trình phân chia quyền lực nhà nước. Sự phân công này đã làm xuất hiện nhiều chủ thể cùng tham gia vào QLTP và vị trí của các chủ thể này có xu hướng phát triển ngày càng độc lập với nhau hơn. Khi chưa có sự phân công, việc ADPLHS hoàn toàn thuộc về các toà án với tư cách là cơ quan tư pháp duy nhất nắm trong tay toàn bộ QLTP. Trong trường hợp này, việc xác định khi nào Toà án ADPLHS là hoàn toàn không cần thiết. Sự phân công của QLTP làm nảy sinh vấn đề cần phải làm rõ mối quan hệ thuộc về bản chất của các hoạt động điều tra, truy tố và xét xử đối với hoạt động ADPLHS. Dựa vào pháp luật hình sự, việc áp dụng nó dường như đã trở thành nội dung trải dọc theo các giai đoạn ADPLHS và thông thường được xem là công việc chung của điều tra, truy tố và xét xử.

Tuy nhiên, xét về bản chất, sự tham gia của nhiều cơ quan gồm điều tra, công tố và xét xử khi thực hiện QLTP trong lĩnh vực hình sự không có nghĩa là tất cả các hoạt động này đều ADPLHS như nhau. Trong pháp luật có một nguyên tắc đã trở thành phổ biến và rất phù hợp với bản chất của hoạt động này, đó là: "*không ai bị coi là có tội khi chưa có một bản án kết tội đã có hiệu lực của Toà án*". Điều này cho thấy nếu xem xét tất cả các yếu tố thì chỉ có hoạt động xét xử của Toà án mới là hoạt động duy nhất ADPLHS. Các hoạt động tư pháp khác mặc dù có thể căn cứ vào luật hình sự nhưng không phải là một hoạt động ADPLHS mà chỉ nằm trong quá trình ADPLHS, có tính chất hỗ trợ cho hoạt động này của Toà án. Điều này sẽ được làm rõ hơn khi xem xét về bản chất của các hoạt động điều tra, truy tố và xét xử có vai trò như thế nào trong quá trình ADPLHS, tức là quá trình chuyển hoá quy định của luật hình

sự thành các quyền và nghĩa vụ pháp lý cho những trường hợp cụ thể.

## 2. Cơ quan điều tra và việc áp dụng pháp luật hình sự

Như đã được trình bày ở trên, trong hệ thống các cơ quan tư pháp, hoạt động điều tra và cơ quan điều tra luôn là nơi giao thoa giữa QLTP và quyền lực hành pháp. Sự phân định của hai thứ quyền lực nhà nước ở đây vừa không rạch rời về mặt chủ thể, vừa chỉ có thể tương đối ở khía cạnh chức năng.

Hoạt động điều tra xét về mặt lịch sử cũng như về bản chất là nơi giao thoa giữa tư pháp và hành pháp. Khi chưa có sự phân chia quyền lực, QLTP khi được thực hiện một cách chủ động cũng hoàn toàn nhờ vào sức mạnh của hành pháp để tiến hành các hoạt động điều tra. Vốn nắm giữ trong tay gần như toàn bộ sức mạnh vật chất của quyền lực nhà nước, quyền lực hành pháp có ưu thế đặc biệt trong các hoạt động điều tra, là các hoạt động rất cần đến sự hỗ trợ của bạo lực trực tiếp. Ở phương Đông, trong các triều đại phong kiến Trung Hoa, QLTP ở các địa phương không có sự phân biệt về chủ thể với quyền lực hành pháp. Các quan toà ngự trị trên các "*công đường*" cũng đồng thời là những "*quan phụ mẫu*", vừa thực hiện chức năng xét xử, vừa thực hiện chức năng cai quản xã hội. Cho đến tận ngày nay, tính chất giao thoa này vẫn mang tính chất phổ biến. Trong hầu hết các thể chế tư pháp hiện đại, các hoạt động điều tra vừa có thể được thực hiện bởi các cơ quan như Toà án, Công tố, vừa có thể được thực hiện bởi các cơ quan hành pháp nhưng thực hiện chức năng tư pháp.

Về mặt mô hình, cơ quan điều tra được tổ chức một cách tương đối đa dạng, có thể trực thuộc nhiều cơ quan khác nhau và thuộc các cảnh quyền lực khác nhau. Cơ quan điều tra có thể là một bộ phận của quyền lực hành pháp nhưng thực hiện chức năng của QLTP. Ở nước ta, cơ quan điều tra hình sự được tổ chức trong lực lượng Công an nhân dân<sup>5</sup> và

<sup>5</sup> Khoản 1 Điều 1 Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 1994 quy định trong Công an nhân dân được tổ

Quân đội nhân dân là các cơ quan thuộc về cơ quan hành pháp. Đây được xem là một hệ thống điều tra hình sự chuyên trách vì mục đích duy nhất của nó là thực hiện các hoạt động điều tra đối với các vụ án hình sự theo các trình tự của tố tụng hình sự. Ngoài ra, cơ quan điều tra cũng có thể là một cơ quan chuyên trách trực thuộc cơ quan công tố, chẳng hạn ở nước ta hiện nay, cơ quan điều tra thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao có nhiệm vụ điều tra một số loại tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp mà người phạm tội là cán bộ thuộc các cơ quan tư pháp. Bên cạnh đó, cơ quan điều tra cũng có thể được tổ chức trực thuộc thẳng cơ quan xét xử là Tòa án như hệ thống cơ quan điều tra hình sự được hình thành đầu tiên sau Cách mạng Tháng Tám là Tư pháp Công an<sup>6</sup>. Mặc dù, người chi phối trực tiếp hoạt động của Tư pháp công an lúc bấy giờ là các Chương lý, Biện lý ở ngành Tòa án – những người mà sau này sẽ trở thành công tố, kiểm sát – nhưng do bản thân những người này cũng trực thuộc ngành Tòa án nên có thể nói rằng thời kỳ đó, Tòa án chi phối hoàn toàn các hoạt động điều tra hình sự<sup>7</sup>. Về bản chất, việc Tòa án trực tiếp nắm trong tay các hoạt động điều tra hình sự cũng không có gì đặc biệt vì Tòa án là chủ thể trung tâm của hoạt động ADPLHS.

Điều tra hình sự là hoạt động mang tính nhà nước được hình thành từ rất sớm, thậm chí còn trước khi xuất hiện những Tòa án đầu tiên tồn tại như là những cơ quan tư pháp độc lập. Trong các nhà nước cổ xưa, việc trừng phạt các hành vi xâm phạm đến lợi ích tối cao của vương triều đều được dựa trên sự

hoạt động rất tích cực và có hiệu quả của một hệ thống cơ quan nhà nước, có khả năng phát hiện và đàn áp. Trong cuộc tranh giành quyền lực giữa các thế lực phong kiến ở trung ương hay giữa trung ương với địa phương, khả năng phát hiện và đàn áp của bộ máy nhà nước đối với những thế lực và âm mưu đối nghịch luôn được đề cao và sử dụng một cách triệt để. Hoạt động điều tra có vẻ bề ngoài rất giống với một hoạt động ADPLHS. Trong thực tế, sức mạnh cưỡng chế của quyền lực nhà nước đối với những hành vi xâm phạm đến những lợi ích tối cao được cảm nhận trước hết từ các hoạt động điều tra. Đó là thứ quyền lực được vũ trang hay nói cách khác là bạo lực. Ẩn hiện đằng sau những lời nói, những hành động là bạo lực trực tiếp có thể sử dụng ngay lập tức để trấn áp nếu thấy cần thiết. Trên một phương diện nào đó, bạo lực trực tiếp ẩn chứa trong hoạt động này mang dáng dấp của sự trừng phạt đặc trưng của hình luật và khác biệt hoàn toàn so với các lĩnh vực pháp luật khác.

Thực chất, hoạt động điều tra chỉ là một giai đoạn của quá trình ADPLHS chứ không phải là cả quá trình đó. Mặc dù dựa trên sự định hướng của pháp luật hình sự nhưng sự chuyển hoá của luật trong hoạt động này có nhiều điểm đặc biệt. Vì các chủ thể là đối tượng của hoạt động điều tra như bị can, bị cáo hoặc các dạng thức biểu hiện tương tự khác hoàn toàn không phải (hoặc chưa phải) là người phạm tội nên rõ ràng bản chất của việc ADPLHS của cơ quan điều tra hoặc trong giai đoạn điều tra hoàn toàn khác so với Tòa án. Dựa trên cơ sở pháp lý, hoạt động điều tra hình sự là hoạt động áp dụng pháp luật tố tụng hình sự (PLTTHS) bởi lẽ việc khởi tố, điều tra và áp dụng các biện pháp cưỡng chế (biện pháp điều tra, biện pháp ngăn chặn) trong giai đoạn điều tra hình sự đều là các nội dung của PLTTHS chứ không phải là của PLHS. Tuy nhiên, là một giai đoạn trong quá trình ADPLHS, hoạt động điều tra hình sự cũng đã bước đầu chuyển hoá quy định của hình luật theo cách riêng của nó.

chức thành 2 hệ thống cơ quan điều tra là cơ quan cảnh sát điều tra và cơ quan an ninh điều tra.

<sup>6</sup> Sắc lệnh số 131 ngày 20/07/1946 về tổ chức tư pháp công an (Xem: Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp, *Tập Sắc lệnh do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký về Nhà nước và pháp luật*, Thông tin Khoa học pháp lý, 1992, trang 77-79)

<sup>7</sup> Phạm Văn Tinh (2002), “Quá trình hình thành và phát triển của pháp luật về tổ chức và hoạt động của cơ quan điều tra hình sự”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, Số 5, trang 52-64.

Trên phương diện định tội, hoạt động điều tra hình sự chỉ đồng nhất với hoạt động ADPLHS khi kết quả cuối cùng của nó là quyết định mang tính chất không xử lý hình sự (chấm dứt việc xử lý hình sự). Các quyết định đình chỉ điều tra mặc dù có căn cứ pháp lý là các quy định của PLTTHS nhưng nó cũng đồng nghĩa với việc cho rằng không có sự kiện phạm tội hoặc người bị khởi tố không thực hiện hoặc không chứng minh được là đã thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy, về mặt bản chất pháp lý, các quyết định không xử lý hình sự của cơ quan điều tra cũng có giá trị tương đương với một bản án hay quyết định của Tòa án mà trong đó kết luận một người không thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, nếu quá trình xử lý hình sự được tiếp diễn thì hoạt động điều tra hình sự không đồng nhất với hoạt động ADPLHS mà chỉ còn là một giai đoạn trong quá trình ADPLHS. Kết luận của cơ quan điều tra trên phương diện định tội về việc một người đã thực hiện hành vi phạm tội hoàn toàn không dẫn đến sự chuyển hoá quy định của luật thành quyền và nghĩa vụ của người đó.

Hoạt động điều tra hình sự không có nội dung quyết định hình phạt. Tuy nhiên, một số hệ quả pháp lý đặc biệt do hoạt động áp dụng PLTTHS của cơ quan điều tra có thể được chuyển hoá một cách đặc biệt thành việc thực hiện hình phạt ở các giai đoạn sau. Trong một số trường hợp nhất định, do tính chất nguy hiểm của tội phạm, do nhân thân người phạm tội hoặc các lý do khác, PLTTHS đã dự liệu trước khả năng một người có thể bị áp dụng biện pháp ngăn chặn mang tính chất tước tự do (tạm giữ, tạm giam). Tất nhiên việc bị tước đi quyền tự do trong trường hợp này không phải là hình phạt, tuy nhiên thời gian bị tạm giữ, tạm giam đó sẽ được tính vào thời gian chấp hành hình phạt tù nếu bị cáo bị toà án kết án tù.

### **3. Cơ quan công tố (Viện kiểm sát) và việc áp dụng pháp luật hình sự**

Ở Việt Nam hiện nay, cơ quan công tố là Viện Kiểm sát. Trên phương diện ADPLHS,

hoạt động của cơ quan công tố cũng tương tự như hoạt động của cơ quan điều tra. Pháp luật hình sự là cơ sở để thực hiện quyền lực công tố. Về nguyên tắc, người ta không thể truy tố một người về một hành vi nếu như hành vi đó không được quy định trong hình luật hoặc ít nhất cũng phải tương tự với một tội phạm cụ thể nào đó đã được mô tả trong hình luật.

Sự hình thành của cơ quan công tố gắn liền với quá trình chuyên biệt hoá chức năng công tố của nhà nước. Từ chỗ là một bộ phận thuộc về Tòa án, cơ quan công tố dần dần trở thành một cơ quan tư pháp độc lập và ngày càng có vai trò quan trọng hơn trong bất cứ một thể chế tư pháp nào. Tất nhiên, cơ quan công tố vẫn không thể so sánh được với toà án nhưng về địa vị pháp lý, cơ quan công tố hoàn toàn độc lập và bình đẳng với Tòa án trong quá trình ADPLHS.

Khác với hoạt động điều tra hình sự, hoạt động của cơ quan công tố có mối quan hệ đặc biệt hơn với hoạt động ADPLHS của Tòa án. Hoạt động điều tra hình sự dù có tác động trực tiếp đến hoạt động xét xử của Tòa án nhưng không mang tính quyền lực nhà nước. Khi thực hiện các hoạt động điều tra, cơ quan điều tra chỉ thực hiện quyền lực nhà nước trong các quan hệ xã hội và với những chủ thể là đối tượng của hoạt động điều tra. Trong hoạt động xét xử, các kết quả của hoạt động điều tra sẽ được Tòa án xem xét như là các chứng cứ cũng tương tự như các chứng cứ khác. Nói cách khác, hoạt động điều tra hình sự có thiên hướng phục vụ cho hoạt động ADPLHS của Tòa án ở khía cạnh chuyên môn để làm rõ các cơ sở thực tế của việc áp dụng. Nó không có thẩm quyền gì trong việc can thiệp hay đưa ra các đánh giá mang tính quyền lực về hoạt động xét xử. Tuy nhiên, hoạt động công tố không đơn giản như vậy bởi sự tác động rõ ràng, trực tiếp và công khai mang tính quyền lực nhà nước đến hoạt động xét xử.

Trước hết, trong hầu hết các thể chế tư pháp hiện đại, cơ quan công tố gần như là cơ quan duy nhất có quyền truy tố một người ra trước Tòa án về một tội phạm mà cơ quan

công tố cho rằng người đó đã thực hiện. Nói cách khác, mặc dù là cơ quan xét xử nhưng Toà án không thể tự xét xử được nếu như không có sự truy tố của cơ quan công tố. Tất nhiên, vẫn có thể có những thể chế tư pháp mà ở đó hoạt động ADPLHS có thể được khởi động bởi quyền tư tố trong một số ít trường hợp nhưng vai trò của cơ quan công tố đối với hoạt động ADPLHS là rất rõ ràng và hoàn toàn chiếm ưu thế. Trong tiến trình tự nhiên của các giai đoạn tố tụng hình sự, hoạt động công tố được diễn ra tiếp theo hoạt động điều tra. Tuy nhiên, cũng giống như trong mối quan hệ với hoạt động xét xử, hoạt động điều tra cũng không có những tác động mang tính quyền lực nhà nước đối với hoạt động công tố. Điều đó có nghĩa là cơ quan công tố không có nghĩa vụ bắt buộc phải khởi động quyền công tố dựa trên kết quả của điều tra hình sự. Khi thực hiện quyền công tố, cơ quan công tố có quyền xem xét và đánh giá toàn bộ kết quả của điều tra hình sự và đưa ra kết luận độc lập của mình và kết luận đó có thể có hậu quả pháp lý hoàn toàn trái ngược và thậm chí là phủ nhận quyết định của cơ quan điều tra hình sự. Trong thực tế, chính sự tồn tại nhiều khả năng trong việc đưa ra quyết định của cơ quan công tố cho thấy tính độc lập của cơ quan công tố với các giai đoạn tố tụng trước đó. Trong khi đó rõ ràng mối quan hệ giữa công tố và xét xử hoàn toàn không giống như vậy. Bởi lẽ khi quyền lực công tố đã được phát động thì quyền lực xét xử bắt buộc sẽ được khởi động theo nên điều đó đã cho thấy sự tác động mang tính quyền lực Nhà nước của công tố lên hoạt động xét xử.

Khác với hoạt động điều tra hình sự chỉ mang tính định tội, hoạt động công tố vừa có nội dung định tội, vừa có nội dung quyết định hình phạt và có vẻ gần gũi hơn hoạt động ADPLHS của Toà án trong giai đoạn xét xử. Việc truy tố một người ra trước Toà chính là việc cơ quan công tố đã xác định người đó đã thực hiện một tội phạm cụ thể nào đó được quy định trong hình luật. Tất nhiên, do Toà án nắm trong tay quyền lực

xét xử nên ở đây vẫn chưa diễn ra sự chuyển hoá của luật với đúng tính chất của một hoạt động ADPL. Các chủ thể là đối tượng của quyền lực công tố hoàn toàn không phải là người phạm tội. Hoạt động công tố cũng chỉ có tính đồng nhất với một hoạt động ADPLHS khi và chỉ khi kết quả cuối cùng của nó là quyết định mang tính chất không xử lý hình sự. Trong trường hợp này, cũng tương tự như những gì đã được phân tích đối với cơ quan điều tra, kết luận không xử lý hình sự của cơ quan công tố cũng có giá trị tương đương với bản án hay quyết định của Toà án tuyên một người không phạm tội.

Trên phương diện quyết định hình phạt, quyền lực công tố về nguyên tắc là không bị giới hạn và được cho phép đưa ra các quyết định mang nội dung quyết định hình phạt. Trong thực tế, khi thực hiện quyền công tố, cơ quan công tố hoàn toàn có thể kiến nghị không chỉ là tội danh mà còn cả mức hình phạt cụ thể. Do các chủ thể của quyền lực công tố không phải là cơ quan có quyền đưa ra quyết định cuối cùng về tội phạm nên quyết định về hình phạt của cơ quan công tố cũng chỉ hàm ý *một khả năng* chứ không phải là *hiện thực*. Tuy nhiên, khác với khả năng chứa đựng trong các quy phạm pháp luật, khả năng mà cơ quan công tố đưa ra về hình phạt là mang tính ADPL vì nó là sự cá biệt các quy định của pháp luật đối với từng trường hợp cụ thể và không có tác dụng đối với trường hợp khác.

Tóm lại, việc tiếp cận mang tính lịch sử về sự phân công quyền lực tư pháp trong ADPLHS qua nghiên cứu trên cho thấy bản chất sự phân công QLTP trong ADPLHS mặc dù đã tạo ra những thiết chế (chủ thể) khác nhau tham gia vào việc ADPLHS. Tuy nhiên, điều đó không làm thay đổi bản chất cũng như vị trí trung tâm của Toà án trong quá trình ADPLHS. Công cuộc cải cách tư pháp trong lĩnh vực tư pháp hình sự ở Việt Nam hiện nay nên bắt đầu với một tư duy như thế để xây dựng và hoàn thiện được mô hình pháp lý của việc ADPLHS phù hợp với bản chất của nó.